CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Ngày 30/06/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-2.1%**

DT thuần
Q2/25
90.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.8| 33.9%
YoY: ▲ 19.2| 27.1%

LN thuần
Q2/25
19.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.4| 5705%
YoY: ▼29.2| -60.5%

LN sau thuế
Q2/25
14.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.60| 85.4%
YoY: ▼29.7| -67.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
25.0%
YoY: +/-▲ 3.4%

ROE (TTM)
Q2/25
0.7%
YoY: +/-▼ 0.3%

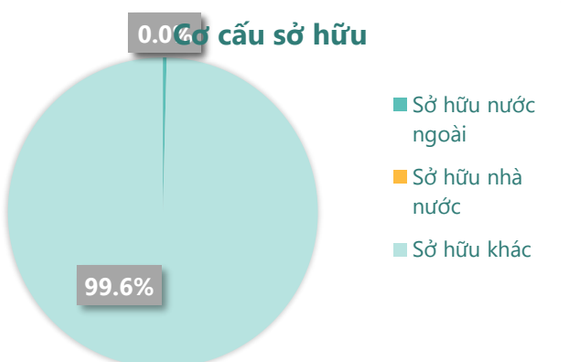
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,158
Số lượng CPLH (CP)	938,321,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.04)
EPS	76
P/E	30.2

DT thuần
6T 2025
157
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.0| 10.7%

LN thuần
6T 2025
18.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼50.0| -72.8%

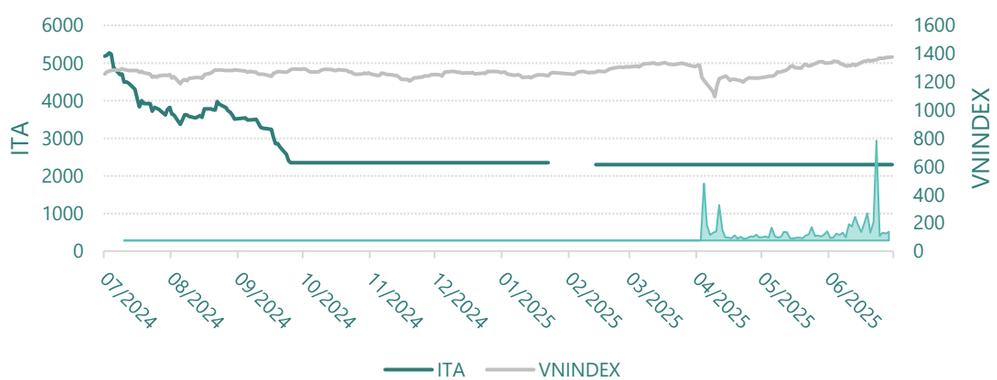
LN sau thuế
6T 2025
22.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.2| -65.8%

Cơ cấu sở hữu

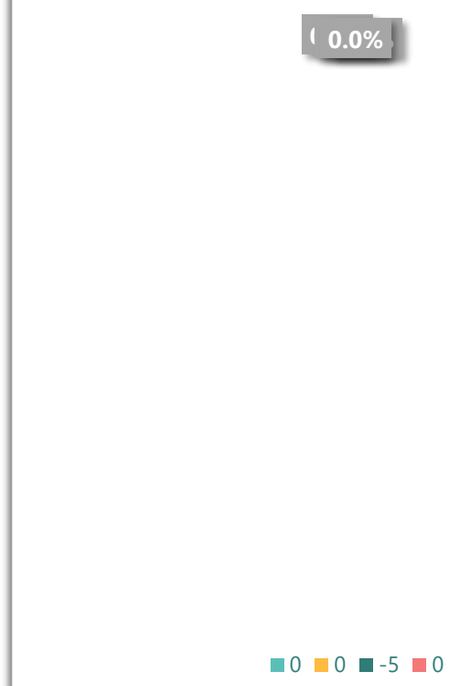


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



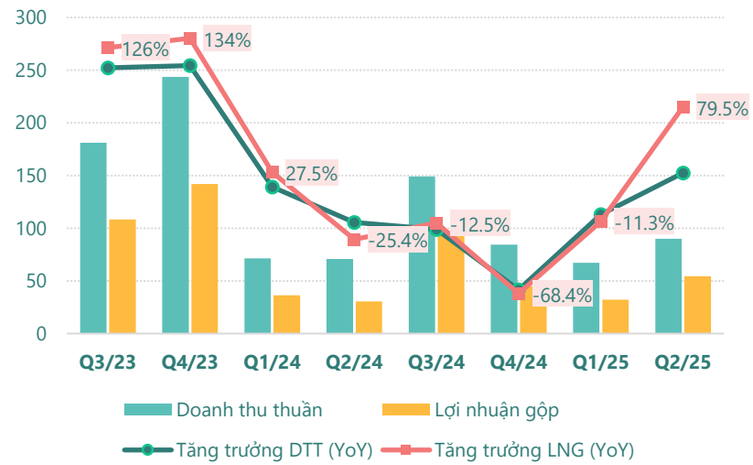
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

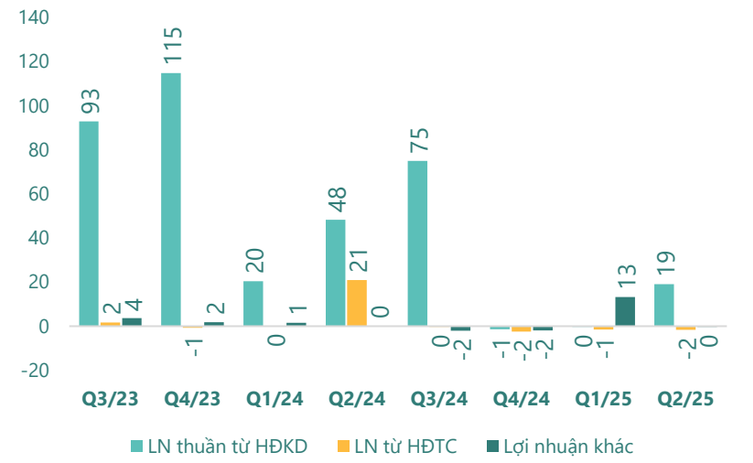
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



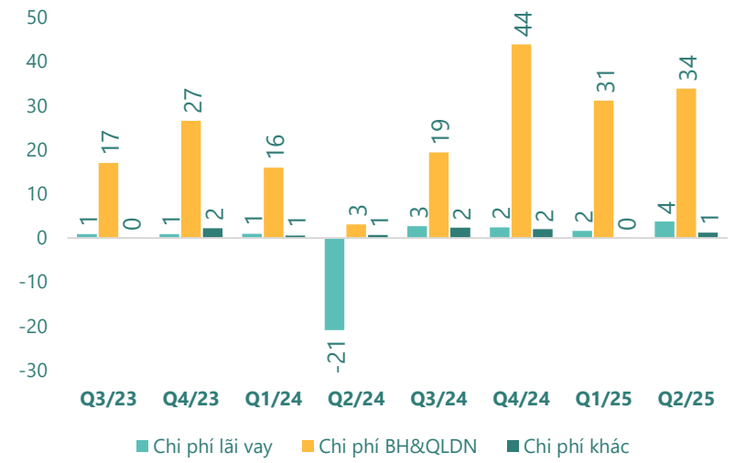
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



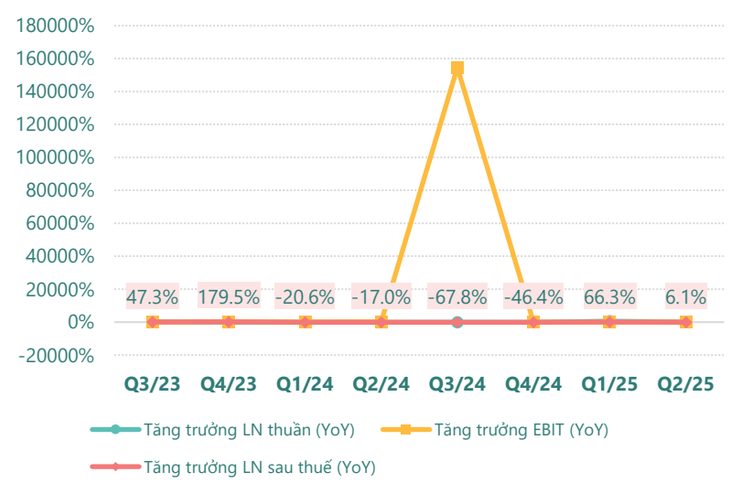
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



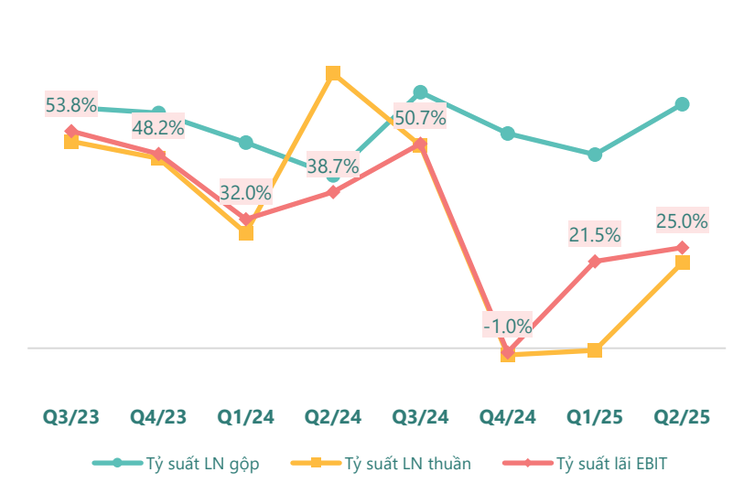
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



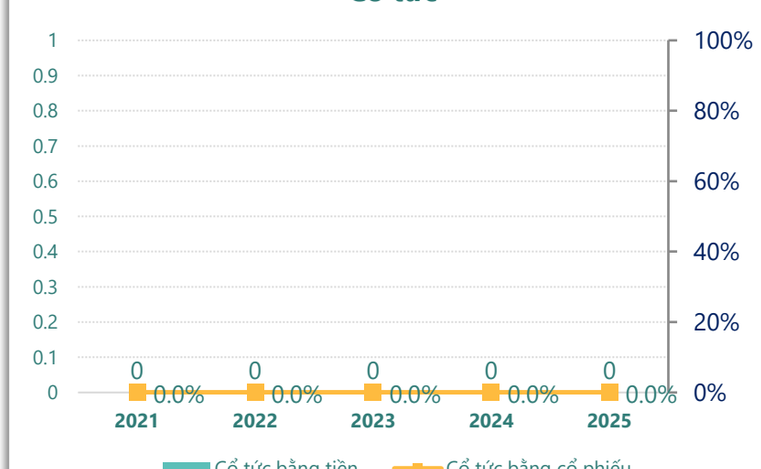
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

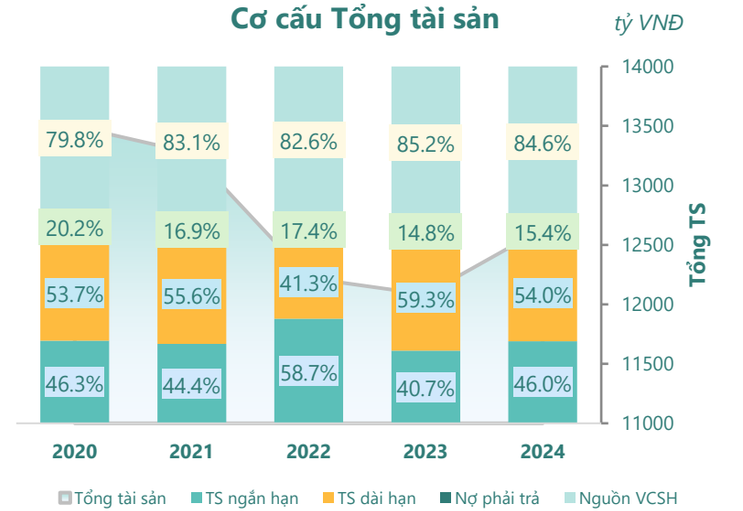
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

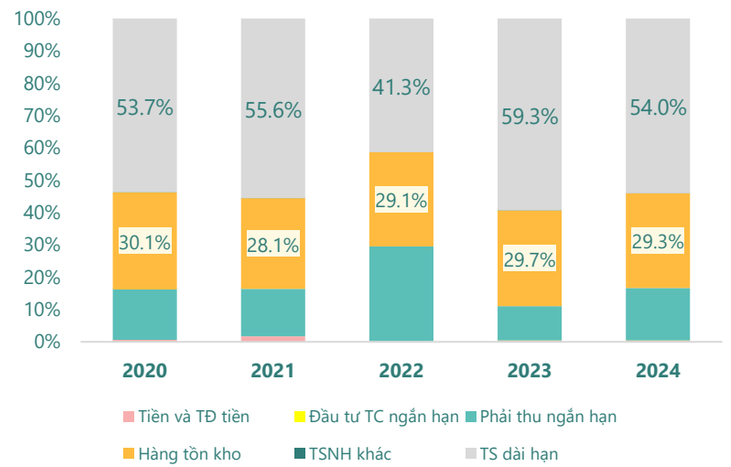
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



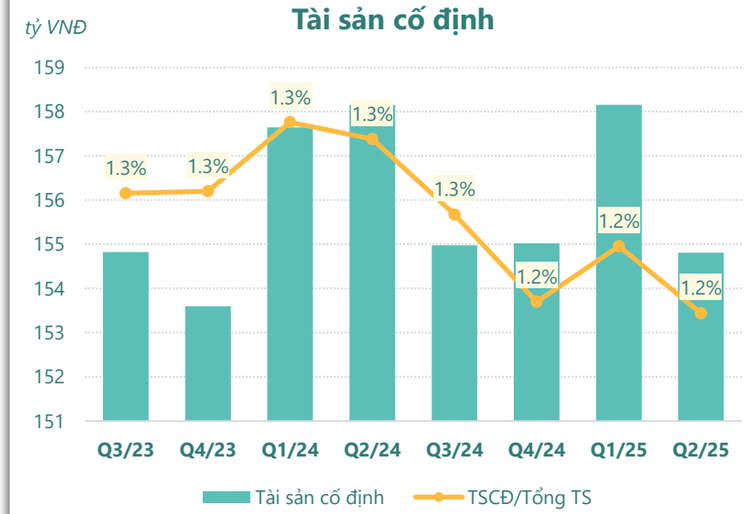
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



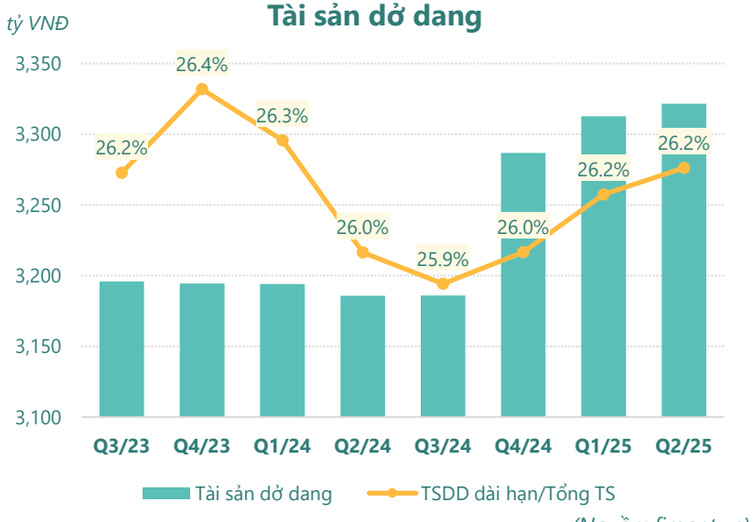
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



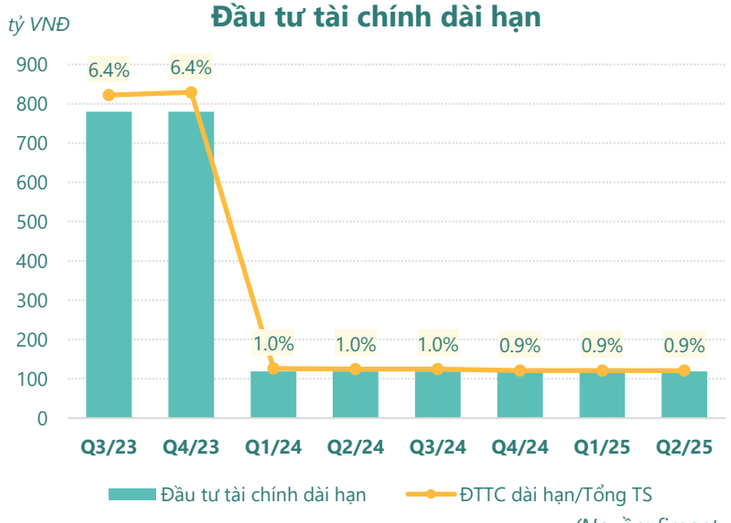
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



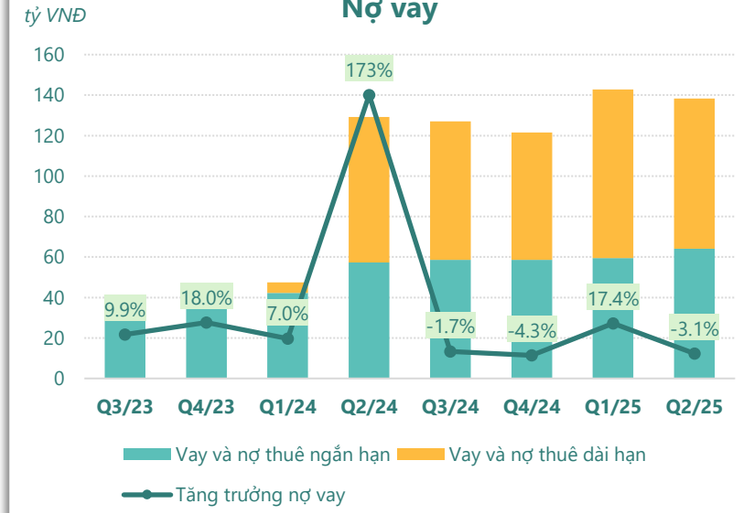
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

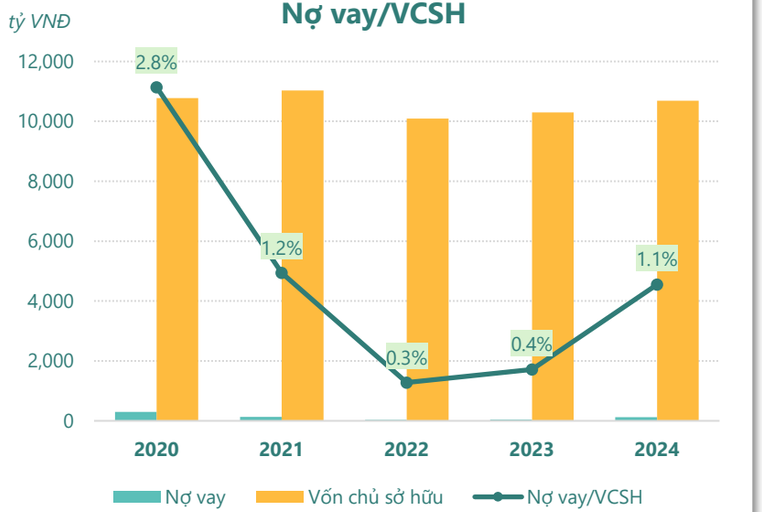
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

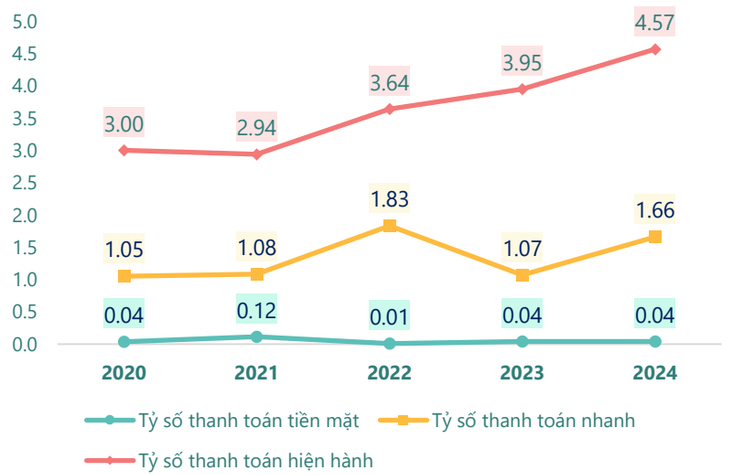
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



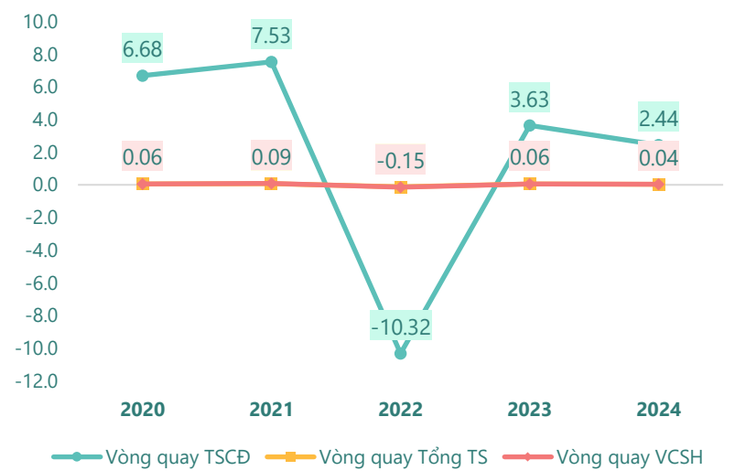
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



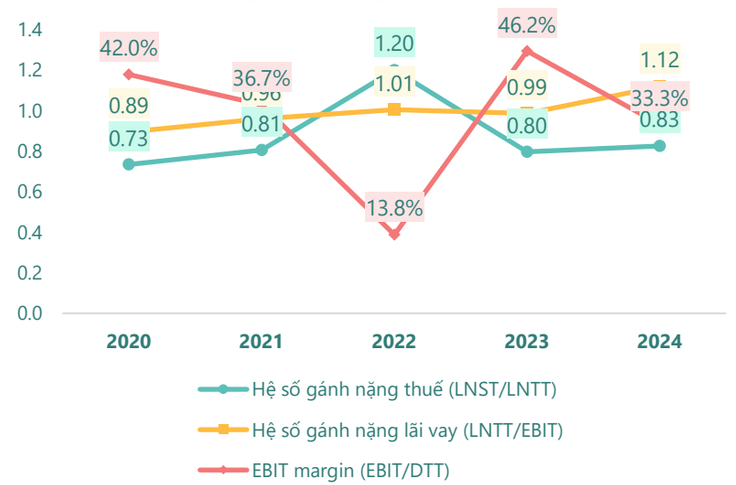
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



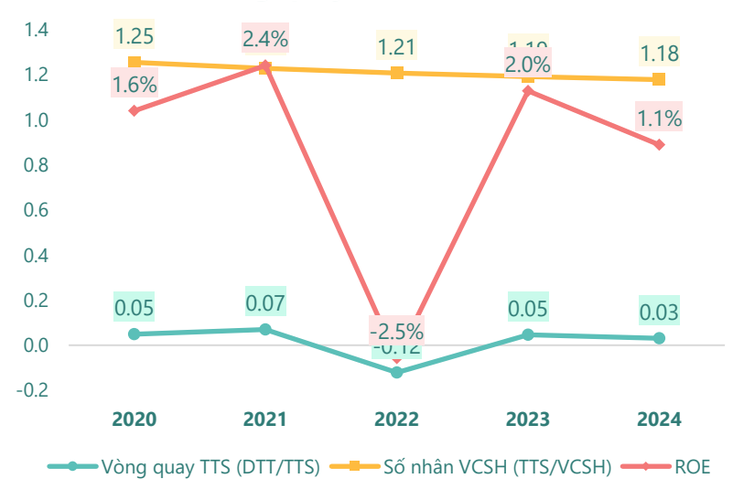
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



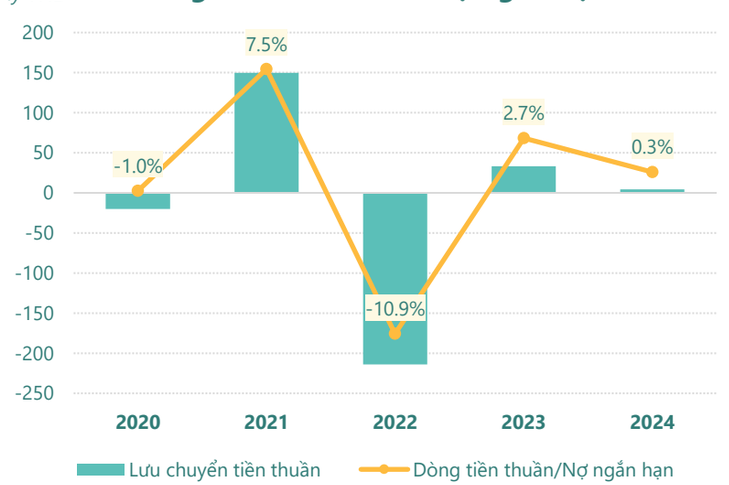
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**90.1**	**70.9**	**27.1%**	**157**	**142**	**10.7%**
Giá vốn hàng bán	35.6	40.5	-12.2%	70.5	75.4	-6.5%
Lợi nhuận gộp	54.6	30.4	79.5%	86.9	66.8	30.0%
Doanh thu HĐTC	2.13	0.03	7002%	2.24	0.33	586%
Chi phí TC	3.72	-20.9	118%	5.32	-20.5	126%
Chi phí lãi vay	3.72	-20.9	118%	5.32	-19.9	127%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.67	0.07	850%	0.73	0.13	465%
Chi phí QLDN	**33.2**	**2.99**	**1012%**	**64.3**	**18.9**	**241%**
LN thuần từ HĐKD	19.1	48.3	-60.5%	18.7	68.7	-72.8%
Lợi nhuận khác	**-0.29**	**0.07**	**-509%**	**13.0**	**1.55**	**737%**
LN trước thuế	18.8	48.4	-61.2%	31.7	70.2	-54.9%
Lợi nhuận sau thuế	**14.3**	**44.0**	**-67.6%**	**22.0**	**64.2**	**-65.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.8**	**43.7**	**-68.5%**	**21.0**	**63.5**	**-66.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-47.0	-56.6	15.3	-48.6	-40.2	-33.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.35	61.6	-22.8	18.8	-1.14	7.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.18	82.7	-6.59	-1.04	21.2	-4.49
Tiền đầu kỳ	50.9	14.4	102	65.3	55.1	34.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-36.5**	**87.8**	**-14.1**	**-30.8**	**-20.2**	**-30.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.4	102	65.3	57.3	34.9	4.17

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,661**	**12,634**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	5,799	5,810	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	4.17	55.1	-92.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	2.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,013	2,051	-1.9%
Hàng tồn kho	3,757	3,698	1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	22.9	4.36	426%
Tài sản dài hạn	**6,863**	**6,824**	**0.6%**
Phải thu dài hạn	2,867	2,845	0.8%
Tài sản cố định	155	155	-0.1%
Bất động sản đầu tư	310	323	-4.1%
Tài sản dở dang	3,322	3,287	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	119	119	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**14.1**	**14.5**	**-2.8%**
Lợi thế thương mại	76.4	80.9	-5.6%
Nợ phải trả	1,953	1,947	0.3%
Nợ ngắn hạn	**1,306**	**1,271**	**2.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.1	58.7	9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	125	151	-17.4%
Nợ dài hạn	646	675	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	74.2	62.9	17.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,709**	**10,687**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**10,709**	**10,687**	**0.2%**
Vốn điều lệ	9,385	9,385	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)